

Số: 1883 /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung;
thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2013/NĐ-CP, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung các quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (kèm theo Phụ lục I: Thủ tục hành chính thuộc phạm vi của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, Phụ lục II: Thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

Các thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này được quy định tại Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung các quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 5 năm 2026, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, 3 và 5 Điều này.

2. Các thủ tục hành chính tại số thứ tự A.3, A.6 mục 1; số thứ tự A.3 mục 2 phần I Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 5 năm 2026.

3. Bãi bỏ các nội dung quy định tại số thứ tự 14 (TTHC Kiểm tra Nhà nước về chất lượng phân bón nhập khẩu) phần I Mục A Phần I (Danh mục thủ tục hành chính) và nội dung cụ thể của các thủ tục hành chính này tại Phần II ban hành kèm theo Quyết định số 278/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

4. Bãi bỏ các nội dung quy định tại số thứ tự 4, 5, 11, 12, 13 phần I, số thứ tự 11, 12, 13 phần II Mục A Phần I; số thứ tự 3, 4 phần I, số thứ tự 2 phần II Mục B Phần I (Danh mục thủ tục hành chính) và nội dung cụ thể của các thủ tục hành chính này tại Phần II ban hành kèm theo Quyết định số 278/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

5. Khoản 3 Điều 2 Quyết định số 1674/QĐ-BNNMT ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Trịnh Việt Hùng (để báo cáo);
- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở NN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường: các Thứ trưởng; các Vụ, Công thông tin điện tử của Bộ;
- Báo Nông nghiệp và Môi trường;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Lưu: VT, TTTV.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Hoàng Trung

Handwritten mark

PHỤ LỤC I.
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CỦA
CHỈ DẪN SỐ 63/2010/NĐ-CP
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp Trung ương					
1.	1.002947	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật	Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
2.	1.002510	Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật	Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
3.	1.007923	Cấp Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam	- Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung các quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

4.	3.000104	Cấp lại Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam	Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
5.	1.007924	Gia hạn Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam	Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
6.	1.007996	Cấp, cấp lại, gia hạn, phục hồi Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng (bao gồm cả cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng)	Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung các quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)
B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
1.	1.004363	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A.	Thủ tục hành chính cấp Trung ương				

1.	1.007930	Kiểm tra Nhà nước về chất lượng phân bón nhập khẩu	Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật hoặc tổ chức chứng nhận hợp quy có phòng thử nghiệm đáp ứng quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP và được Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật ủy quyền
2.	1.007992	Tự công bố lưu hành giống cây trồng	Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)
3.	1.007997	Cấp Quyết định công nhận lưu hành đặc cách giống cây trồng	Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung các quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)
B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
1.	1.004346	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính
2.	1.007998	Cấp, cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng	Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC) LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG

I. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

1. TTHC Cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật (1.002947)

1.1. Trình tự thực hiện:

- a) Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.
- b) Bước 2: Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc.

Hồ sơ không hợp lệ thì trả lại hồ sơ và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- c) Bước 3: Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

+ Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tổ chức thẩm định, trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường đưa thuốc bảo vệ thực vật vào Danh mục; cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật trong thời hạn 04 tháng.

+ Hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

+ Trường hợp không cấp, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trả lời cho tổ chức, cá nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ

- Trực tiếp
- Bưu điện
- Trực tuyến.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

- Mẫu nhãn thuốc.

- Bản chính kết quả khảo nghiệm hiệu lực sinh học, kết quả khảo nghiệm xác định thời gian cách ly (theo mẫu quy định tại Phụ lục VI, Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

Số lượng hồ sơ: 01 bản giấy và 01 bản điện tử định dạng word hoặc excel hoặc power point đối với mẫu nhãn.

1.4. Thời hạn giải quyết: 04 tháng kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật (Có thời hạn 10 năm).

1.8. Phí, lệ phí:

- Đăng ký chính thức: 9.000.000 đồng/lần

- Đăng ký bổ sung: 2.500.000 đồng/lần

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

- Báo cáo khảo nghiệm hiệu lực sinh học thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

- Báo cáo khảo nghiệm xác định thời gian cách ly thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 51 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013.

- Điều 2 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Điều 13 Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

- Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp.

- Điều 20 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- Mục A.II Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Phụ lục II
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI, GIA HẠN
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT
APPLICATION FOR CERTIFICATE OF PESTICIDE REGISTRATION

Kính gửi: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
To Plant Production and Protection Department

TÊN, ĐỊA CHỈ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ/ *Name and address of applicant:*

.....

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC TẠI VIỆT NAM/ *Contact address in Vietnam:*

.....

TEL:..... FAX:..... EMAIL:

ĐỀ NGHỊ/ apply for

- CẤP/ *certificate of pesticide registration*
- CẤP LẠI/ *re-issuance of certificate of pesticide registration*
- GIA HẠN/ *renewal of certificate of pesticide registration*

Số giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật/ *Certificate No.:*

TÊN THƯƠNG PHẨM/ *Trade name:*

.....

HOẠT CHẤT/ *Active ingredient:*

.....

HÀM LƯỢNG HOẠT CHẤT/ *Active ingredient content:*

.....

.....

DẠNG THÀNH PHẨM/ *Type of formulation:*

.....

TÊN NHÀ SẢN XUẤT THÀNH PHẨM/ *Name of manufacturer:*

.....

ĐỊA CHỈ NƠI SẢN XUẤT/ *Address where manufactured:*

.....

HÌNH THỨC ĐĂNG KÝ/ *Type of registration*

Đăng ký chính thức/ <i>full registration</i>	<input type="checkbox"/>	
Đăng ký bổ sung/ <i>supplementary registration</i>	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi sử dụng/<i>scope of application</i> <input type="checkbox"/> - Dạng/<i>formulation</i> <input type="checkbox"/> - Thay đổi hàm lượng hoạt chất/<i>content of a.i.</i> <input type="checkbox"/> - Cách sử dụng/<i>method of application</i> <input type="checkbox"/> - Liều lượng/<i>dose</i> <input type="checkbox"/> - Tên thương phẩm/<i>generic registration</i> <input type="checkbox"/>

ĐỐI TƯỢNG ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG/*registration subject for use:*

Cây trồng/ Crop	Sinh vật gây hại/ Pest (ghi cả tên tiếng Việt và tên khoa học/ <i>Vietnamese and systematic name</i>)

TRƯỜNG HỢP CẤP LẠI/ *Re-issuing case:*

- Thay đổi tên thương phẩm/ *change of trade name;*
- Thay đổi nhà sản xuất /*change of manufacturer;*
- Thay đổi tổ chức, cá nhân đăng ký/*change of applicant;*
- Tên tổ chức, cá nhân đăng ký thay đổi/ *change of applicant's name;*
- Các trường hợp khác/ *other cases.*

NỘI DUNG CẤP LẠI/ *Re-issuing contents:*

.....

TÀI LIỆU KÈM THEO/ *Accompanying documents*

1.....

2.....

3.....

Tôi xin cam đoan lời khai trong đơn, tài liệu cũng như mẫu vật kèm theo là đúng sự thật/ *I declare that all the information contained in this application and accompanying documents are true and correct.*

Tại/at, ngày/on date

Ký tên, đóng dấu/ Signature and seal

Phụ lục VI
MẪU BÁO CÁO KHẢO NGHIỆM HIỆU LỰC SINH HỌC
THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM HIỆU LỰC SINH HỌC CỦA
THUỐC.....ĐỐI VỚI.....

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên thương phẩm: Tên hoạt chất.....
2. Đối tượng khảo nghiệm (*ghi rõ tên khoa học*)
3. Cây trồng
4. Tên đơn vị phối hợp/ tổ chức thực hiện khảo nghiệm:

II. CĂN CỨ VÀ YÊU CẦU CỦA KHẢO NGHIỆM

1. Căn cứ để tiến hành khảo nghiệm (QCVN/TCVN/TC):.....
2. Yêu cầu của khảo nghiệm
 - Đánh giá hiệu lực sinh học của thuốc
 - Đánh giá ảnh hưởng của thuốc đối với cây trồng
 - Đánh giá ảnh hưởng của thuốc đến môi trường và sinh vật có ích (nếu có)

III. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM

1. Địa điểm thực hiện khảo nghiệm:.....
2. Thời gian thực hiện khảo nghiệm:.....
3. Cây trồng:
 - Giống:
 - Giai đoạn sinh trưởng của cây:
4. Các điều kiện về đất đai và chế độ canh tác:
 - Loại đất:
 - Phân bón:
 - Chế độ canh tác:.....
5. Điều kiện về thời tiết:
6. Tình hình phát sinh, phát triển của đối tượng khảo nghiệm trong khu thí nghiệm
7. Tình hình phát sinh của sinh vật gây hại khác trong khu thí nghiệm (nếu có)

IV. PHƯƠNG PHÁP KHẢO NGHIỆM

1. Các công thức khảo nghiệm:
 - Công thức khảo nghiệm

- Công thức so sánh.....
- Công thức đối chứng.....
- 2. Quy mô và phương pháp bố trí:
 - Quy mô:
 - Diện tích ô khảo nghiệm
 -
 - Số lần nhắc lại (đối với khảo nghiệm diện hẹp)
 - Phương pháp bố trí.....
- 3. Phương pháp xử lý thuốc:
 - Lượng thuốc:
 - Lượng nước thuốc (Đối với thuốc phun):
 - Số lần xử lý:
 - Thời điểm xử lý:
 - Ngày xử lý:
 - Phương pháp xử lý:
 - Dụng cụ xử lý:
 - Sử dụng thuốc khác trong quá trình khảo nghiệm (nếu có)
- 4. Chỉ tiêu và phương pháp điều tra:
 - Chỉ tiêu điều tra:.....
 - Phương pháp điều tra (cụ thể cho từng chỉ tiêu)
 - Thời điểm điều tra (cụ thể cho từng chỉ tiêu).....
- 5. Phương pháp xử lý số liệu.....
- 6. Đánh giá ảnh hưởng của thuốc đến cây trồng
- Phương pháp đánh giá:
- Chỉ tiêu đánh giá

V. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM

1. Kết quả khảo nghiệm:
 - Các bảng số liệu phù hợp với các chỉ tiêu theo dõi
2. Kết quả ảnh hưởng của thuốc đối với cây trồng ở các ngày sau xử lý:
 - Bảng số liệu phù hợp với chỉ tiêu theo dõi
3. Nhận xét ảnh hưởng của thuốc đối với môi trường và sinh vật có ích (nếu có):

VI. NHẬN XÉT KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM

- Nhận xét về hiệu lực của thuốc khảo nghiệm ở các liều lượng đã khảo nghiệm:.....
- Nhận xét về ảnh hưởng của thuốc đến cây trồng:.....
- Nhận xét về ảnh hưởng của thuốc đến môi trường và sinh vật có ích (nếu có).

....., ngày..... tháng.....năm.....

**XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC
THỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM**

**NGƯỜI THỰC HIỆN
KHẢO NGHIỆM**

Phụ lục VII
MẪU BÁO CÁO KHẢO NGHIỆM XÁC ĐỊNH THỜI GIAN CÁCH LY
THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM XÁC ĐỊNH THỜI GIAN CÁCH LY
CỦA THUỐC..... ĐỐI VỚI

Tên tổ chức thực hiện khảo nghiệm:

- Đơn vị thực hiện khảo nghiệm ngoài đồng ruộng:

- Đơn vị thực hiện kiểm định mẫu khảo nghiệm:

I. CĂN CỨ VÀ MỤC ĐÍCH CỦA KHẢO NGHIỆM

1. Khảo nghiệm tiến hành nhằm xác định thời gian cách ly của thuốc bảo vệ thực vật
đối với ở điều kiện Việt Nam.

2. Căn cứ để tiến hành khảo nghiệm (QCVN/TCVN/TC):.....

II. ĐIỀU KIỆN KHẢO NGHIỆM

1. Thuốc bảo vệ thực vật khảo nghiệm:

- Tên thương phẩm:

- Hoạt chất:

2. Đối tượng cây trồng:

3. Đối tượng dịch hại:

4. Địa điểm khảo nghiệm:

5. Thời gian tiến hành khảo nghiệm:

III. PHƯƠNG PHÁP KHẢO NGHIỆM

1. Phương pháp tiến hành khảo nghiệm ngoài đồng ruộng

1.1. Điều kiện khảo nghiệm

1.2. Phương pháp bố trí khảo nghiệm

1.3. Tiến hành xử lý thuốc

1.4. Phương pháp lấy mẫu phân tích

2. Phương pháp phân tích mẫu khảo nghiệm trong phòng thí nghiệm

- Phương pháp phân tích

- Hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật

- Giới hạn xác định: mg/kg

- Hiệu suất thu hồi: %

3. Kết quả kiểm định mẫu khảo nghiệm

Mức dư lượng tối đa cho phép (MRLs) của hoạt chất:

- là:mg/kg theo tiêu chuẩn.....

- là:mg/kg theo tiêu chuẩn.....

IV. NHẬN XÉT

Kết quả khảo nghiệm cho thấy thời gian cách ly của thuốc bảo vệ thực vật.....

..... đối với cây..... là..... ngày.

....., ngày..... tháng.....năm.....

**XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC
THỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM**

NGƯỜI THỰC HIỆN

Phụ lục V
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
 MINISTRY OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT
 CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT
 PLANT PRODUCTION AND PROTECTION DEPARTMENT

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT
CERTIFICATE OF PESTICIDE REGISTRATION

Số đăng ký:/CNĐKT-BVTV

Registration No.

Có giá trị từ : **đến**.....

Valid from: to

Cấp cho

Grant for

Tổ chức, cá nhân đăng ký:

Applicant:

Địa chỉ:

Address:

Loại thuốc:.....

Type of pesticide

Tên thương phẩm và dạng thuốc:

Pesticide's trade name and type of formulation:

Hoạt chất:.....

Active ingredient:

Hàm lượng hoạt chất:

Content of active ingredient:

Loại độc cấp tính theo GHS của thuốc thành phẩm:

GHS acute toxicity hazard category:

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT
CERTIFICATE OF PESTICIDE REGISTRATION**

Nhà sản xuất thuốc BVTV thành phẩm.....

Manufacturer:

Loại thuốc bảo vệ thực vật dưới đây được đăng ký ở nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

The following pesticide is hereby granted the Certificate for Registration in the Socialist Republic of Vietnam.

Phạm vi và phương pháp sử dụng:

Scope and method of application :

Cây trồng Crop	Sinh vật gây hại Pest (<i>tên tiếng Việt và tên khoa học</i>)	Liều lượng Dosage	PHI (ngày)	Cách dùng Method of application

Ghi chú:

Note:

Hà Nội, ngày tháng.....năm

Date.....

**CỤC TRƯỞNG CỤC TRỒNG TRỌT
VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**
GENERAL DIRECTOR
OF PLANT PRODUCTION AND PROTECTION
DEPARTMENT

2. TTHC Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật (1.002510)

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (trước 03 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật hết hạn).

b) Bước 2: Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc.

Hồ sơ không hợp lệ thì trả lại và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

c) Bước 3: Thẩm định hồ sơ, Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT) trong thời hạn 08 ngày làm việc.

+ Hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

+ Trường hợp không Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông báo cho tổ chức, cá nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ

- Trực tiếp
- Bưu điện
- Trực tuyến.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Đơn đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT.

- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật đã được cấp.

Số lượng hồ sơ: 01 bản giấy

2.4. Thời hạn giải quyết:

10 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật (Có thời hạn 10 năm).

2.8. Phí, lệ phí:

Phí: 2.500.000 đồng/lần

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 52 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013.
- Điều 2 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.
- Điều 14 Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật.
- Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp.
- Điều 20 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.
- Mục A.II Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Phụ lục II
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI, GIA HẠN
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT
APPLICATION FOR CERTIFICATE OF PESTICIDE REGISTRATION

Kính gửi: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
To Plant Production and Protection Department

TÊN, ĐỊA CHỈ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ/ *Name and address of applicant:*

.....

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC TẠI VIỆT NAM/ *Contact address in Vietnam:*

.....

TEL:.....FAX:.....EMAIL:

ĐỀ NGHỊ/ apply for

CẤP/ certificate of pesticide registration

CẤP LẠI/ re-issuance of certificate of pesticide registration

GIA HẠN/ renewal of certificate of pesticide registration

Số giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật/ *Certificate No.:*

TÊN THƯƠNG PHẨM/ *Trade name:*

.....

HOẠT CHẤT/ *Active ingredient:*

.....

HÀM LƯỢNG HOẠT CHẤT/ *Active ingredient content:*

.....

.....

DẠNG THÀNH PHẨM/ *Type of formulation:*

.....

TÊN NHÀ SẢN XUẤT THÀNH PHẨM/ *Name of manufacturer:*

.....

ĐỊA CHỈ NƠI SẢN XUẤT/ *Address where manufactured:*

.....

HÌNH THỨC ĐĂNG KÝ/ *Type of registration*

Đăng ký chính thức/ <i>full registration</i>	<input type="checkbox"/>	
	<input type="checkbox"/>	- Phạm vi sử dụng/ <i>scope of application</i> <input type="checkbox"/>
	<input type="checkbox"/>	- Dạng/ <i>formulation</i> <input type="checkbox"/>

Đăng ký bổ sung/ supplementary registration	- Thay đổi hàm lượng hoạt chất/content of a.i.	<input type="checkbox"/>
	- Cách sử dụng/method of application	<input type="checkbox"/>
	- Liều lượng/dose	<input type="checkbox"/>
	- Tên thương phẩm/generic registration	<input type="checkbox"/>

ĐỐI TƯỢNG ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG/registration subject for use:

Cây trồng/ Crop	Sinh vật gây hại/ Pest (ghi cả tên tiếng Việt và tên khoa học/ Vietnamese and systematic name)

TRƯỜNG HỢP CẤP LẠI/ Re-issuing case:

- Thay đổi tên thương phẩm/ change of trade name;
- Thay đổi nhà sản xuất /change of manufacturer;
- Thay đổi tổ chức, cá nhân đăng ký/change of applicant;
- Tên tổ chức, cá nhân đăng ký thay đổi/ change of applicant's name;
- Các trường hợp khác/ other cases.

NỘI DUNG CẤP LẠI/ Re-issuing contents:

.....

TÀI LIỆU KÈM THEO/ Accompanying documents

1.....

2.....

3.....

Tôi xin cam đoan lời khai trong đơn, tài liệu cũng như mẫu vật kèm theo là đúng sự thật/ I declare that all the information contained in this application and accompanying documents are true and correct.

Tại/at, ngày/on date

Ký tên, đóng dấu/ Signature and seal

Phụ lục V

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
MINISTRY OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT
CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT
PLANT PRODUCTION AND PROTECTION DEPARTMENT

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT
CERTIFICATE OF PESTICIDE REGISTRATION

Số đăng ký:/CNĐKT-BVTV

Registration No.

Có giá trị từ : **đến**.....

Valid from: to

Cấp cho

Grant for

Tổ chức, cá nhân đăng ký:

Applicant:

Địa chỉ:

Address:

Loại thuốc:.....

Type of pesticide

Tên thương phẩm và dạng thuốc:

Pesticide's trade name and type of formulation:

Hoạt chất:.....

Active ingredient:

Hàm lượng hoạt chất:

Content of active ingredient:

Loại độc cấp tính theo GHS của thuốc thành phẩm:

GHS acute toxicity hazard category:

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT
CERTIFICATE OF PESTICIDE REGISTRATION**

Nhà sản xuất thuốc BVTV thành phẩm.....

Manufacturer:

Loại thuốc bảo vệ thực vật dưới đây được đăng ký ở nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

The following pesticide is hereby granted the Certificate for Registration in the Socialist Republic of Vietnam.

Phạm vi và phương pháp sử dụng:

Scope and method of application :

Cây trồng Crop	Sinh vật gây hại Pest (<i>tên tiếng Việt và tên khoa học</i>)	Liều lượng Dosage	PHI (ngày)	Cách dùng Method of application

Ghi chú:

Note:

Hà Nội, ngày tháng.....năm

Date.....

**CỤC TRƯỞNG CỤC TRỒNG TRỌT
VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**
GENERAL DIRECTOR
OF PLANT PRODUCTION AND PROTECTION
DEPARTMENT

3. TTHC Cấp Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam (1.007923)

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đến Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật bằng hình thức trực tiếp hoặc qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

b) Bước 2: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 02 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c) Bước 3: Trong thời hạn *60 ngày* kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tổ chức thẩm định, nếu hồ sơ đáp ứng quy định thì ban hành Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam (sau đây viết tắt là Quyết định công nhận) theo Mẫu số 32 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT; trường hợp không cấp, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp hoặc qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Nộp 01 bộ hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam theo Mẫu số 30 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

b) Bản thông tin chung về phân bón có xác nhận của nhà sản xuất bao gồm: loại phân bón; tên phân bón; dạng phân bón; hướng dẫn sử dụng; phương thức sử dụng; thời hạn sử dụng; cảnh báo an toàn; chỉ tiêu chất lượng, hàm lượng yếu tố hạn chế trong phân bón kèm theo phiếu kết quả thử nghiệm.

c) Bản chính báo cáo kết quả khảo nghiệm phân bón theo tiêu chuẩn quốc gia về khảo nghiệm phân bón (trừ các loại phân bón quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật Trồng trọt).

d) Giấy chứng nhận lưu hành tự do của nước xuất khẩu cấp bao gồm giấy chứng nhận mang tính đặc thù hoặc mang đầy đủ nội dung của giấy chứng nhận lưu hành tự do và các loại văn bản chứng nhận có nội dung tương tự (đối với phân bón nhập khẩu quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 39 Luật Trồng trọt).

Trường hợp hồ sơ là bản bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch ra tiếng Việt có xác nhận của cơ quan dịch thuật.

3.4. Thời hạn giải quyết:

60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam theo Mẫu số 32 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

Thời hạn của quyết định công nhận là 10 năm. Trước khi hết thời gian lưu hành 03 tháng, tổ chức, cá nhân có nhu cầu gia hạn phải thực hiện gia hạn theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

3.8. Phí: Không

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam theo Mẫu số 30 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

3.10.1. Yêu cầu về công nhận phân bón lưu hành

a) Phân bón là hàng hóa kinh doanh có điều kiện và phải được cấp Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam, trừ phân bón hữu cơ được sản xuất để sử dụng không vì mục đích thương mại, phân bón được nhập khẩu quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Trồng trọt; phân bón được sản xuất để xuất khẩu theo hợp đồng với tổ chức, cá nhân nước ngoài.

b) Tổ chức, cá nhân trong nước hoặc tổ chức, cá nhân nước ngoài có văn phòng đại diện, chi nhánh công ty hoạt động trong lĩnh vực phân bón tại Việt Nam được đứng tên đăng ký công nhận lưu hành phân bón.

c) Mỗi tổ chức, cá nhân chỉ được đứng tên đăng ký công nhận một tên phân bón cho mỗi công thức thành phần, hàm lượng dinh dưỡng phân bón.

3.10.2. Điều kiện cấp Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam bao gồm:

a) Đáp ứng các chỉ tiêu chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng phân bón;

b) Có kết quả khảo nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc gia, trừ loại phân bón quy định tại khoản 2 Điều 39 của Luật Trồng trọt.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 36, Điều 37 Luật Trồng trọt năm 2018;
- Điều 15 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.
- Điều 36 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017;
- Điều 25 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón.
- Điều 14 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.
- Điều 13 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.
- *Mục A.I Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.*
- *Điểm b khoản 2 Điều 1 Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung các quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.*

2. Báo cáo tình hình sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu và sử dụng phân bón (đối với trường hợp gia hạn).

3. Quyết định công nhận là tiến bộ kỹ thuật về sản phẩm phân bón theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ (Số ngày cấp Cơ quan cấp, Trường hợp quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 39 Luật Trồng trọt).

4. Chúng tôi xin cam đoan thông tin trong đơn, tài liệu kèm theo là đúng sự thật và tuân thủ các quy định của pháp luật về phân bón./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

(1) Áp dụng đối với trường hợp cấp lại và gia hạn.

(2) Không áp dụng đối với trường hợp cấp lại và gia hạn không có sự thay đổi hướng dẫn sử dụng.

(3), (4) Không áp dụng đối với trường hợp cấp lại và gia hạn.

(5) Chỉ áp dụng đối với trường hợp gia hạn.

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC TRỒNG TRỌT
VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-....., ngày tháng năm

**QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam**

CỤC TRƯỞNG CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số .../2026/TT-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật;

Căn cứ Quyết định số quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;

Xét đề nghị của⁽¹⁾.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận ...⁽²⁾ phân bón lưu hành tại Việt Nam (...⁽³⁾, danh sách kèm theo) của tổ chức, cá nhân sau:

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:
Địa chỉ:
Điện thoại: E-mail.....
Mã số doanh nghiệp/Căn cước công dân:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm... Quyết định này hủy bỏ và thay thế Quyết định số.....⁽⁴⁾

Điều 3. Tổ chức, cá nhân có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: ⁽⁵⁾.

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

DANH SÁCH PHÂN BÓN CÔNG NHẬN LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM CỦA ⁽⁶⁾

*(Ban hành kèm theo Quyết định số.../QĐ-.... ngày...tháng...năm...
của Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)*

STT	Loại phân bón	Tên phân bón	Mã số phân bón	Chỉ tiêu chất lượng	Phương thức sử dụng	Hướng dẫn sử dụng	Hạn sử dụng
1							
2							
3							
...							

⁽¹⁾ Lãnh đạo đơn vị thuộc cơ quan có thẩm quyền được giao nhiệm vụ thẩm định hồ sơ công nhận phân bón.

⁽²⁾ Số lượng viết bằng số và chữ.

⁽³⁾ Thông tin về Quyết định công nhận lưu hành đối với trường hợp cấp lại hoặc gia hạn.

⁽⁴⁾ Nội dung “Quyết định này hủy bỏ và thay thế Quyết định số..” chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại hoặc gia hạn.

⁽⁵⁾ Đơn vị thuộc cơ quan có thẩm quyền được giao nhiệm vụ thẩm định hồ sơ công nhận phân bón.

⁽⁶⁾ Tên tổ chức, cá nhân đăng ký.

4. TTHC Cấp lại Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam (3.000104)

4.1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đến Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật bằng hình thức trực tiếp hoặc qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính trong trường hợp sau đây:

+ *Thay đổi, bổ sung thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân trong Quyết định công nhận phân bón lưu hành;*

+ Thay đổi tên phân bón theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc theo bản án, quyết định của Tòa án trong trường hợp vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ.

b) Bước 2: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 02 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c) Bước 3: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thẩm định nội dung hồ sơ, nếu hồ sơ đáp ứng quy định thì ban hành Quyết định công nhận theo Mẫu số 32 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT; trường hợp không cấp lại, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp hoặc qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Nộp 01 bộ hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại Quyết định công nhận theo Mẫu số 30 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

b) Văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về sở hữu trí tuệ hoặc của tòa án về việc vi phạm nhãn hiệu hàng hóa (trường hợp thay đổi tên phân bón).

c) Bản chính hoặc bản sao chứng thực hợp đồng hoặc thỏa thuận chuyển nhượng phân bón (trường hợp chuyển nhượng phân bón trong Quyết định công nhận).

4.4. Thời hạn giải quyết:

07 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân).

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam theo Mẫu số 32 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

Thời hạn của Quyết định là theo thời hạn của Quyết định đã cấp.

4.8. Phí: Không

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp lại Quyết định công nhận theo Mẫu số 30 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Yêu cầu về công nhận phân bón lưu hành

a) Phân bón là hàng hóa kinh doanh có điều kiện và phải được cấp Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam, trừ phân bón hữu cơ được sản xuất để sử dụng không vì mục đích thương mại, phân bón được nhập khẩu quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Trồng trọt; phân bón được sản xuất để xuất khẩu theo hợp đồng với tổ chức, cá nhân nước ngoài.

b) Tổ chức, cá nhân trong nước hoặc tổ chức, cá nhân nước ngoài có văn phòng đại diện, chi nhánh công ty hoạt động trong lĩnh vực phân bón tại Việt Nam được đứng tên đăng ký công nhận lưu hành phân bón.

c) Mỗi tổ chức, cá nhân chỉ được đứng tên đăng ký công nhận một tên phân bón cho mỗi công thức thành phần, hàm lượng dinh dưỡng phân bón.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 36, Điều 37 Luật Trồng trọt năm 2018.

- Điều 15 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Điều 25 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón.

- Điều 14 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- Điều 14 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật

Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- Mục A.I Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Báo cáo tình hình sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu và sử dụng phân bón (đối với trường hợp gia hạn).

3. Quyết định công nhận là tiến bộ kỹ thuật về sản phẩm phân bón theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ (Số ngày cấp Cơ quan cấp, Trường hợp quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 39 Luật Trồng trọt).

4. Chúng tôi xin cam đoan thông tin trong đơn, tài liệu kèm theo là đúng sự thật và tuân thủ các quy định của pháp luật về phân bón./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

(1) Áp dụng đối với trường hợp cấp lại và gia hạn.

(2) Không áp dụng đối với trường hợp cấp lại và gia hạn không có sự thay đổi hướng dẫn sử dụng.

(3), (4) Không áp dụng đối với trường hợp cấp lại và gia hạn.

(5) Chỉ áp dụng đối với trường hợp gia hạn.

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC TRỒNG TRỌT
VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam

CỤC TRƯỞNG CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số/2026/TT-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật;

Căn cứ Quyết định số quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;

Xét đề nghị của⁽¹⁾

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận ...⁽²⁾ phân bón lưu hành tại Việt Nam (...⁽³⁾, danh sách kèm theo) của tổ chức, cá nhân sau:

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:

Địa chỉ:

Điện thoại:E-mail.....

Mã số doanh nghiệp/Căn cước công dân:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm... Quyết định này hủy bỏ và thay thế Quyết định số.....⁽⁴⁾

Điều 3. Tổ chức, cá nhân có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: ⁽⁵⁾.

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

DANH SÁCH PHÂN BÓN CÔNG NHẬN LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM CỦA ⁽⁶⁾

(Ban hành kèm theo Quyết định số...../QĐ-..... ngày...tháng...năm...
của Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Loại phân bón	Tên phân bón	Mã số phân bón	Chỉ tiêu chất lượng	Phương thức sử dụng	Hướng dẫn sử dụng	Hạn sử dụng
1							
2							
3							
...							

(1) Lãnh đạo đơn vị thuộc cơ quan có thẩm quyền được giao nhiệm vụ thẩm định hồ sơ công nhận phân bón.

(2) Số lượng viết bằng số và chữ.

(3) Thông tin về Quyết định công nhận lưu hành đối với trường hợp cấp lại hoặc gia hạn.

(4) Nội dung “Quyết định này hủy bỏ và thay thế Quyết định số..” chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại hoặc gia hạn.

(5) Đơn vị thuộc cơ quan có thẩm quyền được giao nhiệm vụ thẩm định hồ sơ công nhận phân bón.

(6) Tên tổ chức, cá nhân đăng ký.

5. Gia hạn Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam (1.007924)

5.1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đến Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật bằng hình thức trực tiếp hoặc qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

b) Bước 2: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 02 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c) Bước 3: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thẩm định nội dung hồ sơ, nếu hồ sơ đáp ứng quy định thì gia hạn Quyết định công nhận theo Mẫu số 32 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT; trường hợp không gia hạn, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp hoặc qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Nộp 01 bộ hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn Quyết định công nhận theo Mẫu số 30 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

b) Báo cáo tình hình sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu và sử dụng phân bón theo Mẫu số 31 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

5.4. Thời hạn giải quyết:

07 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân).

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam Mẫu số 32 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

Thời hạn của Quyết định công nhận là *10 năm*.

5.8. Phí: Không

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị gia hạn Quyết định công nhận theo Mẫu số 30 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

- Báo cáo tình hình sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu và sử dụng phân bón theo Mẫu số 31 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

5.10.1. Yêu cầu về công nhận phân bón lưu hành

a) Phân bón là hàng hóa kinh doanh có điều kiện và phải được cấp Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam, trừ phân bón hữu cơ được sản xuất để sử dụng không vì mục đích thương mại, phân bón được nhập khẩu quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Trồng trọt; phân bón được sản xuất để xuất khẩu theo hợp đồng với tổ chức, cá nhân nước ngoài.

b) Tổ chức, cá nhân trong nước hoặc tổ chức, cá nhân nước ngoài có văn phòng đại diện, chi nhánh công ty hoạt động trong lĩnh vực phân bón tại Việt Nam được đứng tên đăng ký công nhận lưu hành phân bón.

c) Mỗi tổ chức, cá nhân chỉ được đứng tên đăng ký công nhận một tên phân bón cho mỗi công thức thành phần, hàm lượng dinh dưỡng phân bón.

5.10.2. Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam được gia hạn khi đáp ứng điều kiện sau đây:

a) Khi tổ chức, cá nhân có yêu cầu;

b) Đáp ứng chỉ tiêu chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng phân bón;

c) Báo cáo tình hình sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu và sử dụng phân bón theo quy định.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 36, Điều 37 Luật Trồng trọt năm 2018

- Điều 15 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Điều 25 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón.

- Điều 14 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- Điều 15 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- Mục A.I Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Báo cáo tình hình sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu và sử dụng phân bón (đối với trường hợp gia hạn).

3. Quyết định công nhận là tiến bộ kỹ thuật về sản phẩm phân bón theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ (Số ngày cấp Cơ quan cấp, Trường hợp quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 39 Luật Trồng trọt).

4. Chúng tôi xin cam đoan thông tin trong đơn, tài liệu kèm theo là đúng sự thật và tuân thủ các quy định của pháp luật về phân bón./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

(1) Áp dụng đối với trường hợp cấp lại và gia hạn.

(2) Không áp dụng đối với trường hợp cấp lại và gia hạn không có sự thay đổi hướng dẫn sử dụng.

(3), (4) Không áp dụng đối với trường hợp cấp lại và gia hạn.

(5) Chỉ áp dụng đối với trường hợp gia hạn.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC- , ngày tháng năm

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH SẢN XUẤT, XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU
VÀ SỬ DỤNG PHÂN BÓN

Kính gửi: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

1. Thông tin về tổ chức, cá nhân

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Mã số doanh nghiệp/ Căn cước công dân:

Điện thoại:..... E-mail:

2. Tình hình sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu phân bón trong thời gian lưu hành

STT	Tên phân bón	Mã số phân bón	Khối lượng (tấn)			Số Thông báo tiếp nhận hợp quy/Số Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước
			Sản xuất phân bón	Xuất khẩu phân bón	Nhập khẩu phân bón	
1						
...						

3. Tình hình sử dụng phân bón trong thời gian lưu hành

3.1. Thực trạng sử dụng

STT	Tên phân bón	Mã số phân bón	Liều lượng và thời kỳ sử dụng	Nội dung khác (nếu có)
1				
...				

3.2. Đánh giá hiệu quả của việc thay đổi về liều lượng và thời kỳ sử dụng

4. Đề nghị (nếu có)

4.1. Đề nghị thay đổi về liều lượng, thời kỳ sử dụng; chỉ tiêu chất lượng về độ ẩm, khối lượng riêng hoặc tỷ trọng, pH_{H2O}, tỷ lệ C/N, cỡ hạt; yếu tố hạn chế về biuret, cadimi, axit tự do và lý do thay đổi.

4.2. Đề nghị khác.

4.3. Tài liệu gửi kèm làm căn cứ, thuyết minh đối với những đề nghị nêu tại mục 4.1 và 4.2.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu/chữ ký số)

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC TRỒNG TRỌT
VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-....., ngày tháng năm

**QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam**

CỤC TRƯỞNG CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật;

Căn cứ Quyết định số quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;

Xét đề nghị của⁽¹⁾.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận ...⁽²⁾ phân bón lưu hành tại Việt Nam (...⁽³⁾, danh sách kèm theo) của tổ chức, cá nhân sau:

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:

Địa chỉ:

Điện thoại: E-mail.....

Mã số doanh nghiệp/Căn cước công dân:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm... Quyết định này hủy bỏ và thay thế Quyết định số.....⁽⁴⁾

Điều 3. Tổ chức, cá nhân có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: ⁽⁵⁾.

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

DANH SÁCH PHÂN BÓN CÔNG NHẬN LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM CỦA ⁽⁶⁾
(Ban hành kèm theo Quyết định số...../QĐ-..... ngày...tháng...năm...)

STT	Loại phân bón	Tên phân bón	Mã số phân bón	Chỉ tiêu chất lượng	Phương thức sử dụng	Hướng dẫn sử dụng	Hạn sử dụng
1							
2							
3							
...							

của Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

⁽¹⁾ Lãnh đạo đơn vị thuộc cơ quan có thẩm quyền được giao nhiệm vụ thẩm định hồ sơ công nhận phân bón.

⁽²⁾ Số lượng viết bằng số và chữ.

⁽³⁾ Thông tin về Quyết định công nhận lưu hành đối với trường hợp cấp lại hoặc gia hạn.

⁽⁴⁾ Nội dung “Quyết định này hủy bỏ và thay thế Quyết định số..” chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại hoặc gia hạn.

⁽⁵⁾ Đơn vị thuộc cơ quan có thẩm quyền được giao nhiệm vụ thẩm định hồ sơ công nhận phân bón.

⁽⁶⁾ Tên tổ chức, cá nhân đăng ký.

6. TTHC Cấp, cấp lại, gia hạn, phục hồi Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng (bao gồm cả cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng) (1.007996)

6.1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đến Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật. Trường hợp gia hạn Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong thời hạn 06 tháng trước khi Quyết định công nhận lưu hành hết hiệu lực.

b) Bước 2: Trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ

Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

c) Bước 3: Thẩm định và cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng

- Trường hợp cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng:

Trong thời gian *10 ngày làm việc*, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thẩm định hồ sơ, cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng theo Mẫu số 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT và đăng tải Quyết định trên trang thông tin điện tử của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; trường hợp không cấp, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Giống cây trồng được phép lưu hành, kể từ ngày ký Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng.

- Trường hợp cấp lại Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng:

Trong thời gian *05 ngày làm việc*, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cấp lại Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng theo Mẫu số 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT và đăng tải Quyết định trên trang thông tin điện tử của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; trường hợp không cấp lại, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp gia hạn Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng:

Trong thời gian *05 ngày làm việc*, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cấp Quyết định gia hạn công nhận lưu hành giống cây trồng theo Mẫu số 13 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT và

đăng tải Quyết định trên trang thông tin điện tử của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; trường hợp không gia hạn, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp tổ chức, cá nhân không nộp hồ sơ đăng ký gia hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 4 Điều 5 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

- Trường hợp phục hồi Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng:

Trong thời hạn *05 ngày làm việc*, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tổ chức thẩm định và thông báo việc phục hồi Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng; đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; trường hợp không phục hồi hiệu lực thì phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

6.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp hoặc qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ gồm:

- Cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng:

+ Văn bản đề nghị cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng theo Mẫu số 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

+ Kết quả khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định của giống cây trồng đề nghị công nhận lưu hành.

+ Kết quả khảo nghiệm giá trị canh tác, giá trị sử dụng của giống cây trồng.

+ Quy trình canh tác của giống do tổ chức, cá nhân đứng tên đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng biên soạn.

+ Bản công bố các thông tin về giống cây trồng do tổ chức, cá nhân đứng tên đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng biên soạn theo Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

- Cấp lại Quyết định lưu hành giống cây trồng:

+ Văn bản đề nghị cấp lại Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng theo Mẫu số 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

+ Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi đối với trường hợp thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân trong Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng.

- Gia hạn Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng:

+ Văn bản đề nghị gia hạn Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng

theo Mẫu số 09 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

+ Kết quả khảo nghiệm có kiểm soát quy định tại điểm a khoản 2 Điều 18 của Luật Trồng trọt thực hiện trong vòng một năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ gia hạn Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng.

- Phục hồi Quyết định lưu hành giống cây trồng:

+ Văn bản đề nghị Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phục hồi Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng theo Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

+ Giấy xác nhận của tổ chức khảo nghiệm về giống cây trồng sau khi khắc phục được các vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 15 của Luật Trồng trọt.

b) Số lượng: 01 bộ

6.4. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng: Trong thời gian *10 ngày làm việc*, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp cấp lại Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng: Trong thời gian *05 ngày làm việc*, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp gia hạn Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng: Trong thời gian *05 ngày làm việc*, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp phục hồi Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng: Trong thời hạn *05 ngày làm việc*, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức;

- Cá nhân

6.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

a) Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng theo Mẫu số 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT và đăng tải Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng trên Trang thông tin điện tử của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

Thời hạn hiệu lực của Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng:

- 20 năm đối với cây hàng năm;

- 25 năm đối với cây lâu năm.

b) Quyết định về việc cấp lại Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng theo Mẫu số 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT và đăng tải Quyết định trên trang thông tin điện tử của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

c) Quyết định về việc gia hạn Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng theo Mẫu số 13 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT và đăng tải Quyết định trên trang thông tin điện tử của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

6.8. Lệ phí: Không

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng theo Mẫu số 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

- Bản công bố các thông tin về giống cây trồng do tổ chức, cá nhân đứng tên đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng biên soạn theo Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

- Văn bản đề nghị cấp lại Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng theo Mẫu số 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

- Văn bản đề nghị gia hạn Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng theo Mẫu số 09 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

- Văn bản đề nghị Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phục hồi Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng theo Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng:

- Có tên giống cây trồng;
- Có kết quả khảo nghiệm bảo đảm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định;
- Có kết quả khảo nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc gia về giá trị canh tác, giá trị sử dụng;
- Có mẫu giống cây trồng được lưu theo quy định tại Điều 20 của Luật Trồng trọt;
- Có bản công bố thông tin về giống cây trồng, quy trình sản xuất do tổ chức, cá nhân đứng tên đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng biên soạn.

b) Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng được gia hạn khi đáp ứng điều kiện sau đây:

- Khi tổ chức, cá nhân yêu cầu;

- Có kết quả khảo nghiệm có kiểm soát quy định tại điểm a khoản 2 Điều 18 Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018 đạt tiêu chuẩn quốc gia về giá trị canh tác, giá trị sử dụng.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 15 Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018.

- Điều 15 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Điều 16 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- Điều 5 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- *Điểm a khoản 2 Điều 1 Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung các quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.*

Phụ lục II

(Kèm theo Thông tư số 07 /2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Mẫu số 06

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP QUYẾT ĐỊNH**CÔNG NHẬN LƯU HÀNH GIỐNG CÂY TRỒNG**

Kính gửi: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật - Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

1. Tên cơ quan, cá nhân đề nghị:

Số định danh/mã số thuế/mã số doanh nghiệp/ số CCCD:

Địa chỉ:

Điện thoại: E-mail:

2. Tên giống cây trồng đề nghị cấp Quyết định công nhận lưu hành:

3. Tên loài cây:

4. Bảo hộ giống cây trồng mới:

Có Không

5. Vùng sinh thái đề nghị công nhận lưu hành:

6. Nguồn gốc giống:

Giống nhập nội Giống chọn tạo trong nước

7. Phương pháp chọn tạo:

Công thức lai (tên, nguồn gốc dòng/giống bố mẹ kể cả dòng phục hồi, dòng duy trì, ...):
.....

Xử lý đột biến (ghi tên giống, nguồn gốc giống dùng để xử lý đột biến):

Phương pháp khác:

8. Phương pháp nhân giống (hữu tính/vô tính)

9. Vị trí hành chính và địa lý (thôn, xã, tỉnh, tọa độ địa lý) lưu giữ mẫu giống cây
trồng (đối với trường hợp tổ chức, cá nhân tự lưu mẫu):

10. Văn bản kèm theo (nếu có):

Chúng tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các văn
bản gửi kèm trong hồ sơ./.**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ**

(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

BẢN CÔNG BỐ CÁC THÔNG TIN VỀ GIỐNG CÂY TRỒNG

Tên tổ chức, cá nhân đứng tên đăng ký công nhận lưu hành/tự công bố lưu hành:

.....

Số định danh/mã số thuế/mã số doanh nghiệp/ số CCCD:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:E-mail:

Công bố các thông tin về giống cây trồng cụ thể như sau:

1. Tên giống cây trồng:

2. Thông tin về giống cây trồng (nêu rõ thông tin về các chỉ tiêu quy định tại điểm c, d, đ khoản 1 Điều 9 của Thông tư số /2026/TT-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật. Trường hợp áp dụng tiêu chuẩn cơ sở khi chưa có tiêu chuẩn quốc gia hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thì phải công bố tối thiểu các thông tin về năng suất, các chỉ tiêu chất lượng chính, mức độ chống chịu với các loài sâu, bệnh chủ yếu, thời gian sinh trưởng, thời vụ gieo trồng, phạm vi địa lý, các chỉ tiêu về chất lượng vật liệu nhân giống tương tự các nhóm cây trồng tương ứng đã có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia như quy chuẩn đối với hạt giống của cây ngũ cốc hoặc cây rau màu, cây giống, hom giống, cành giống v.v...)

Chúng tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của những thông tin nêu trên./.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN LƯU HÀNH GIỐNG CÂY TRỒNG

Kính gửi: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật - Bộ Nông nghiệp và Môi trường

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị:

Số định danh/mã số thuế/mã số doanh nghiệp/ số CCCD:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....; E-mail

2. Tên giống cây trồng đề nghị cấp lại Quyết định công nhận lưu hành:.....

3. Mã số lưu hành của giống cây trồng:.....

4. Số quyết định công nhận lưu hành đã cấp:ngày ... tháng ... năm.....

5. Lý do đề nghị cấp lại Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng và văn bản chứng minh trong trường hợp thay đổi thông tin ghi trong Quyết định:

.....

Chúng tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của những thông tin và văn bản kèm theo trong hồ sơ./.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN LƯU HÀNH GIỐNG CÂY TRỒNG

Kính gửi: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật - Bộ Nông nghiệp và Môi trường

1. Tên cơ quan, cá nhân đề nghị:.....
- Số định danh/mã số thuế/mã số doanh nghiệp/ số CCCD:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:E-mail:
2. Tên giống cây trồng đề nghị gia hạn lưu hành
3. Mã số lưu hành của giống cây trồng (nếu có):
4. Số quyết định công nhận lưu hành/Số quyết định công nhận giống cây trồng mới đã cấp:.....ngày ... tháng ... năm

Đề nghị Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật gia hạn Quyết định công nhận lưu hành số..... ngày.....tháng...năm.... .

Chúng tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của những thông tin và văn bản gửi kèm trong hồ sơ./.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ PHỤC HỒI QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN LƯU HÀNH GIỐNG CÂY TRỒNG

Kính gửi: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật - Bộ Nông nghiệp và Môi trường

1. Tên cơ quan, cá nhân đề nghị:

- Số định danh/mã số thuế/mã số doanh nghiệp/ số CCCD:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:E-mail:

2. Tên giống cây trồng đề nghị phục hồi quyết định công nhận lưu hành

- Mã số lưu hành của giống cây trồng:

- Đã bị đình chỉ tại Quyết định số..... ngày.....tháng.... năm...

Đến nay chúng tôi đã thực hiện việc khắc phục được các vấn đề nêu trong Quyết định đình chỉ và đề nghị Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phục hồi Quyết định công nhận lưu hành số ngày tháng.....năm.....

Chúng tôi xin gửi kèm hồ sơ theo quy định bao gồm:

- Báo cáo quá trình khắc phục và Kết quả khảo nghiệm chứng minh đã khắc phục được các vi phạm tại khoản 5 Điều 15 của Luật Trồng trọt và được tổ chức khảo nghiệm xác nhận.

Chúng tôi cam đoan chịu trách nhiệm tính chính xác, trung thực của những thông tin và văn bản gửi kèm trong hồ sơ./.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC TRỒNG TRỌT
VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-TTTV-...

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận lưu hành giống cây trồng

CỤC TRƯỞNG CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số .../2026/TT-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của ... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;

Căn cứ đề nghị của (tổ chức, cá nhân) ... tại văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... về việc cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng;

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ và đề nghị của ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận lưu hành giống cây trồng

Mã số lưu hành:

Tổ chức, cá nhân đăng ký lưu hành:

Phạm vi lưu hành:

Thời gian lưu hành: năm kể từ ngày ký Quyết định.

Thông tin về giống cây trồng theo Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư Thông tư số /2026/TT-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

Điều 2. Tổ chức, cá nhân có giống cây trồng được công nhận lưu hành và các đơn vị liên quan có trách nhiệm hướng dẫn, phổ biến giống cây trồng được công nhận lưu hành nêu trên để áp dụng vào sản xuất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng các đơn vị thuộc Cục; tổ chức, cá nhân có giống cây trồng được công nhận lưu hành, Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều ...;
- ...;
- Lưu: VT, ...

CỤC TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

Điều 2. Tổ chức, cá nhân có giống cây trồng được cấp lại Quyết định công nhận lưu hành và các đơn vị liên quan có trách nhiệm hướng dẫn, phổ biến giống cây trồng được công nhận lưu hành nêu trên để áp dụng vào sản xuất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng các đơn vị thuộc Cục; tổ chức, cá nhân có giống cây trồng được cấp lại Quyết định công nhận lưu hành, Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều ...;
- ...;
- Lưu: VT, ...

CỤC TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC TRỒNG TRỌT
VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-TTTV -...

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc gia hạn Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng

CỤC TRƯỞNG CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số .../2026/TT-BNNMT ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-BNNMT ngày...tháng...năm...của... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật về việc công nhận lưu hành giống cây trồng/công nhận giống cây trồng nông nghiệp mới;

Căn cứ đề nghị của (tổ chức, cá nhân) ... tại văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... về việc gia hạn Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng;

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ và đề nghị của ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng:

Mã số lưu hành:

Tổ chức, cá nhân đăng ký lưu hành:

Phạm vi lưu hành:

Thời gian lưu hành: Từ ngày...tháng...năm...đến ngày...tháng...năm...

Thông tin về giống cây trồng theo Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư Thông tư số /2026/TT-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

Điều 2. Tổ chức, cá nhân có giống cây trồng được gia hạn Quyết định công nhận lưu hành và các đơn vị liên quan có trách nhiệm hướng dẫn, phổ biến giống cây trồng được công nhận lưu hành nêu trên để áp dụng vào sản xuất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng các đơn vị thuộc Cục; tổ chức, cá nhân có giống cây trồng được gia hạn Quyết định lưu hành, Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều ...;
- ...;
- Lưu: VT, ...

CỤC TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC TRỒNG TRỌT
VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-TTTV-...

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hủy bỏ Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng

CỤC TRƯỞNG CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số .../2026/TT-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-BNNMT ngày...tháng...năm...của... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật về việc công nhận lưu hành giống cây trồng;

Căn cứ kết quả xác minh và đề nghị của ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng:

Mã số lưu hành:

Tổ chức, cá nhân đăng ký lưu hành:

Phạm vi lưu hành:

Thời gian hủy bỏ Quyết định kể từ ngày ... tháng ... năm ...;

Lý do hủy bỏ:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng các đơn vị thuộc Cục; tổ chức, cá nhân có giống cây trồng bị hủy bỏ Quyết định công nhận lưu hành, Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều ...;

- ...;

- Lưu: VT, ...

CỤC TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

1. TTHC Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (1.004363)

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính (nơi tổ chức, cá nhân đặt trụ sở) bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

b) Bước 2: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c) Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định, tổ chức kiểm tra thực tế (có thành lập đoàn đánh giá và biên bản đánh giá điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 06 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

d) Bước 4: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 08 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP; trường hợp không cấp, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

- Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 08 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

Thời hạn của Giấy chứng nhận: *không có thời hạn*.

1.8. Phí, lệ phí:

Phí: 800.000 đồng/lần

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

- Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân buôn bán thuốc bảo vệ thực vật phải bảo đảm các điều kiện quy định tại Điều 63 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật và các điều kiện chi tiết sau:

a) Người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật phải có trình độ trung cấp trở lên về một trong các chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, hóa học, sinh học, nông học hoặc có Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật;

b) Địa điểm cửa hàng buôn bán thuốc bảo vệ thực vật tách biệt với khu vực dịch vụ ăn uống, trường học, bệnh viện;

c) Kho chứa thuốc bảo vệ thực vật

Đối với cơ sở bán buôn, kho chứa thuốc bảo vệ thực vật phải đảm bảo yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.

Đối với cơ sở bán lẻ, khu vực chứa thuốc bảo vệ thực vật phải có kệ kê hàng cao tối thiểu 10 cm so với mặt sàn, cách tường tối thiểu 20 cm.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 63, Điều 66 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013.

- Điều 2 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Điều 4 Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm.

- Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 ngày 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Điều 3 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp.

- Điều 20 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- *Mục A.VII Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.*

Phụ lục III*(Kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)***Mẫu số 03****TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày.....tháng.....năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Kính gửi:(Tên cơ quan có thẩm quyền).

1. Đơn vị chủ quản:.....

Địa chỉ:

Điện thoại: E-mail:

2. Tên cơ sở:.....

Địa chỉ:

Điện thoại: E-mail:

Địa điểm buôn bán thuốc bảo vệ thực vật:

Địa điểm chứa thuốc bảo vệ thực vật:

3. Tên người đứng đầu cơ sở:

Số căn cước công dân:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp.....

Địa chỉ :.....

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....

***Đề nghị Quý cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán
thuốc bảo vệ thực vật*****Loại hình buôn bán:** Cơ sở có cửa hàng Cơ sở không có cửa hàng

Hồ sơ gửi kèm:.....

Chúng tôi xin cam đoan thông tin trong đơn, tài liệu kèm theo là đúng sự thật và tuân thủ các quy định của pháp luật về thuốc bảo vệ thực vật.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ*(Ký tên, đóng dấu/chữ ký số)*

Mẫu số 04
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

Số:.....

....., ngày.....tháng.....năm

BẢN THUYẾT MINH
ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Kính gửi:(Tên cơ quan có thẩm quyền).

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Đơn vị chủ quản:

Địa chỉ:

Điện thoại:E-mail:

2. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại:E-mail:

3. Loại hình hoạt động

- | | | | |
|--------------------------------|--------------------------|----------------------------|--------------------------|
| - DN nhà nước | <input type="checkbox"/> | - DN cổ phần | <input type="checkbox"/> |
| - DN liên doanh với nước ngoài | <input type="checkbox"/> | - Hộ buôn bán | <input type="checkbox"/> |
| - DN tư nhân | <input type="checkbox"/> | - Khác: (ghi rõ loại hình) | <input type="checkbox"/> |
| - DN 100% vốn nước ngoài | <input type="checkbox"/> | | |

4. Năm bắt đầu hoạt động:

5. Số đăng ký/ngày cấp/cơ quan cấp chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

II. THÔNG TIN VỀ HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN

1. Cửa hàng (áp dụng đối với cơ sở có cửa hàng)

- Diện tích cửa hàng:m²

- Diện tích/công suất khu vực chứa/kho chứa hàng hóa: m² hoặc tấn

- Danh mục các trang thiết bị bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ:

2. Nhân lực:

Danh sách nhân lực, trong đó:

- Người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật có trình độ trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, sinh học, hóa học, nông học hoặc Giấy chứng nhận bồi dưỡng

chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật (*Ghi rõ tên loại văn bằng, giấy chứng nhận; ngày cấp; thời hạn hiệu lực; tên cơ quan cấp; tên người được cấp*).

- Những thông tin khác.

3. Nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật

Có (tiếp tục khai báo mục 3.1)

Không (tiếp tục khai báo mục 3.2)

3.1. Nếu có, cung cấp các thông tin sau:

Nơi chứa thuốc: từ 5.000 kg trở lên dưới 5.000 kg

Kích thước kho: chiều dài (m): chiều rộng (m): chiều cao:

Thông tin về nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật:

a) Tên người đại diện:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

b) Trạm cấp cứu gần nhất:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

c) Đơn vị cứu hỏa gần nhất (km):

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

d) Đồn cảnh sát gần nhất:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

đ) Tên khu dân cư gần nhất:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

3.2. Nếu không có kho riêng, nêu tên những đơn vị mà cơ sở có hợp đồng thuê kho (kèm hợp đồng thuê kho):

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN

(Ký tên, đóng dấu nếu có)

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../.....

.....,ngày.....tháng... năm

**BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN
THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật;

Căn cứ Quyết định số.....ngày..... của (Tên cơ quan có thẩm quyền) về việc thành lập Đoàn đánh giá.

Hôm nay ngày.....tại

Địa chỉ :

Chúng tôi gồm:

Đại diện Đoàn đánh giá:

1. Ông/Bà:, Chức vụ:

2. Ông/Bà:, Chức vụ:

Đại diện cơ sở buôn bán thuốc bảo vệ thực vật:

1. Ông/Bà:....., Chức vụ:

2. Ông/Bà:....., Chức vụ:

Tiến hành đánh giá điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật của cơ sở.....

I. Nội dung, kết quả đánh giá:

II. Kết luận của Đoàn đánh giá:

III. Kiến nghị của Đoàn đánh giá:

IV. Ý kiến của cơ sở:

.....
.....
.....

Biên bản đã được đọc lại cho Đoàn đánh giá, đại diện cơ sở cùng nghe và thống nhất ký tên vào biên bản. Biên bản được lập thành 02 bản, có giá trị pháp lý ngang nhau. Đoàn đánh giá giữ 01 bản và 01 bản lưu tại cơ sở làm căn cứ thi hành.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐÁNH GIÁ

Mẫu số 08

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT
 Số:.....

Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại: Email:

Tên đơn vị chủ quản:

Địa chỉ:

Điện thoại: Email:

hoặc

Chủ cơ sở:

Số căn cước công dân số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:.....

Điện thoại: Email.....

Địa điểm cửa hàng buôn bán:

Được công nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

....., ngày ... tháng ... năm...
CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
(Ký, đóng dấu/chữ ký số)

PHỤ LỤC II.
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN
HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ
THỰC VẬT THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

**1. Danh mục thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành lĩnh vực trồng
trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp
và Môi trường**

TT	Mã TTHC (nếu có)	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan/ người có thẩm quyền quyết định
A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh						
1.		Cấp Quyết định công nhận lưu hành đặc cách giống cây trồng	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung các quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

1. TTHC Cấp Quyết định công nhận lưu hành đặc cách giống cây trồng

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Ủy ban nhân dân cấp xã nộp 01 bộ hồ sơ đến Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức trực tiếp hoặc qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

b) Bước 2: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong thời hạn 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c) Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, cấp Quyết định công nhận lưu hành đặc cách giống cây trồng theo Mẫu số 17 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT; trường hợp không cấp, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính thực hiện đăng tải thông tin về giống cây trồng được công nhận lưu hành đặc cách trên Trang thông tin điện tử của cơ quan và cập nhật thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về giống cây trồng.

Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm tổng hợp, theo dõi mã số lưu hành đặc cách giống cây trồng tại địa phương.

1.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp hoặc qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị công nhận lưu hành đặc cách giống cây trồng của Ủy ban nhân dân cấp xã theo Mẫu số 15 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT;

- Bản mô tả đặc tính của giống và hiện trạng sử dụng theo quy định tại Mẫu số 16 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT.

- Biên bản nộp mẫu lưu.

b) Số lượng: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cấp Quyết định công nhận lưu hành đặc cách giống cây trồng.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định công nhận lưu hành đặc cách giống cây trồng theo Mẫu số 17 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT.

1.8. Lệ phí: Không

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị công nhận lưu hành đặc cách giống cây trồng của Ủy ban nhân dân cấp xã theo Mẫu số 15 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT;

- Bản mô tả đặc tính của giống và hiện trạng sử dụng theo Mẫu số 16 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Là giống cây trồng đặc sản, giống cây trồng bản địa, giống cây trồng đã tồn tại lâu dài trong sản xuất, được địa phương đề nghị;

- Có bản mô tả đặc tính của giống và hiện trạng sử dụng;

- Có mẫu giống cây trồng được lưu theo quy định tại Điều 20 Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 16 Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018.

- Điều 15 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Điều 16 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- Điều 6 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- Điều 1 Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung các quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

TÊN TỔ CHỨC

Mẫu số 15
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN LƯU HÀNH ĐẶC CÁCH
GIỐNG CÂY TRỒNG**

Kính gửi:

1. Tên cơ quan, , đề nghị:.....
- Số định danh/mã số thuế/.....
- Địa chỉ:
- Điện thoại: E-mail:.....
2. Tên giống cây trồng đề nghị công nhận lưu hành đặc cách:
3. Tên loài cây:.....
4. Nguồn gốc của giống:
5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân lưu mẫu giống cây trồng:
6. Vị trí hành chính và địa lý (thôn, xã, tỉnh, tọa độ địa lý) lưu giữ mẫu giống cây trồng đối với trường hợp tự lưu mẫu:
7. Văn bản gửi kèm (nếu có):

Chúng tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin và văn bản gửi kèm trong hồ sơ./.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ
(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

**BẢN MÔ TẢ ĐẶC TÍNH CỦA GIỐNG CÂY TRỒNG
VÀ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG GIỐNG CÂY TRỒNG**

Tên cơ quan, tổ chức:

Số định danh/mã số thuế:

Địa chỉ:

Điện thoại: E-mail:

Mô tả đặc tính của giống cây trồng và hiện trạng sử dụng giống cây trồng cụ thể như sau:

1. Thông tin về giống cây trồng

- Tên giống cây trồng ghi bằng tiếng Việt, nếu cây trồng chưa có ở Việt Nam thì ghi bằng tiếng Anh hoặc phiên âm La tinh tiếng bản địa nơi nhập về:

- Tên khoa học (cụ thể đến loài, họ, bộ):

.....

- Tên cơ quan tác giả, tác giả (nếu có):

2. Đặc điểm thực vật học chủ yếu: Mô tả rõ đặc điểm thực vật học của cây (thân, lá, rễ, hoa quả...)

- Thân:

- Lá:

- Rễ:

- Củ:

- Hoa:

- Quả:

- Hạt:

3. Giá trị sử dụng

 Làm lương thực, thực phẩm Làm dược liệu Thức ăn chăn nuôi Làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến

Cải tạo môi trường

Các giá trị khác (ghi rõ)

4. Kỹ thuật gieo trồng

- Yêu cầu điều kiện sinh thái (vĩ độ, nhiệt độ, đất đai...)

- Thời vụ trồng:

- Mật độ, lượng giống/ha:

- Sâu bệnh hại chính:

5. Cảnh báo các tác hại: Nêu rõ những dự báo tác động xấu của loại cây trồng đến môi trường sinh thái như đất, nước, sinh vật khác và sức khỏe con người (nếu có).

6. Hiện trạng sử dụng

- Diện tích sản xuất trong 03 năm gần nhất:

- Quy mô, địa điểm sản xuất:

- Một số đặc điểm nổi trội của giống (năng suất, chất lượng, tính chống chịu):

.....

Chúng tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin về đặc tính của giống và hiện trạng sử dụng giống cây trồng nêu trên./.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ
(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ- ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**VỀ VIỆC CÔNG NHẬN LƯU HÀNH ĐẶC CÁCH GIỐNG CÂY TRỒNG****LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số...../20...../TT-BNNMT ngày.....tháng.....năm 20... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-..... ngày...tháng...năm...của... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của

Căn cứ đề nghị của ... tại văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... về việc cấp Quyết định công nhận lưu hành đặc cách giống cây trồng;

Xét đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận lưu hành đặc cách giống cây trồng:

Mã số lưu hành đặc cách:

Cơ quan, tổ chức đăng ký lưu hành đặc cách:

Thông tin về giống cây trồng theo Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

Điều 2. Cơ quan, tổ chức có giống cây trồng được công nhận lưu hành đặc cách và các đơn vị liên quan có trách nhiệm hướng dẫn, phổ biến giống cây trồng được công nhận lưu hành đặc cách để áp dụng vào sản xuất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng các đơn vị thuộc, cơ quan, tổ chức có giống cây trồng được công nhận lưu hành đặc cách, thủ trưởng các tổ chức, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều ...;
- Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (để biết);
- ...;
- Lưu: VT, ...

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

